TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 8 - 2025
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Lê Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tràng Thị Thuý và ông Nguyễn Văn Chương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Bình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 - 8 - 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 94/2025/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 12/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 01/8/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm: 1994

Nơi đăng ký HKTT, trú tại: thôn Hào Xuyên, xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên (trước đây là thôn Hào Xuyên, xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên).

2. Bị đơn: anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1988

Nơi đăng ký HKTT, trú tại: thôn Trung, xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên (trước đây là xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: cháu Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 11/3/2021 và cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 06/02/2023

Người giám hộ cho cháu Ch và cháu Kh: chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Nguyễn Hồng T (bố, mẹ của hai cháu).

4. Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1969; Trú tại: thôn Hào Xuyên, xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải Y trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1988, quê quán, trú tại thôn Trung, xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên) trên cơ sở hai bên đều tự nguyện, có thời gian tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Vĩ ngày 30/01/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại thôn Trung, xã An Vĩ. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021, anh T chơi bời cờ bạc nợ nần. Ngoài ra, anh T còn bị nhiều đơn từ gửi đến cơ quan khiến anh phải nghỉ việc. Đến tháng 7/2022 thì mâu thuẫn vợ chồng chị trở nên trầm trọng. Kể từ ngày 01/7/2022 đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân nhau, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xét thấy không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị sớm ổn định cuộc sống, yên tâm làm ăn.

- *Về con chung:* Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 11/3/2021 và cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 06/02/2023, hiện tại cả hai cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn, quan điểm của chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị công tác tại Sở nông nghiệp tỉnh Hưng Yên, thu nhập cả lương và làm thêm của chị trung bình khoảng 15 triệu đồng/tháng, chị xét thấy có đủ điều kiện về tài chính, chỗ ăn ở để nuôi con.

- *Về tài sản, công nợ, đất ruộng canh tác, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình:* Vợ chồng chị không có gì liên quan nên không yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn:* anh Nguyễn Hồng T đã được Toà án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh đều vắng mặt không có lý do nên Toà án không lấy được lời khai của anh T. Tại buổi làm việc ngày 26/5/2025 (bút lục số 32), ông Nguyễn Hồng Hải là bố đẻ của anh T thừa nhận là đã giao văn bản tố tụng của Toà án cho anh T nhưng anh T có đến Toà án làm việc hay không thì ông không biết; ông Hải từ chối khai báo về các vấn đề liên quan của vợ chồng anh T và từ chối ký kết biên bản làm việc với Toà án. Theo nội dung Biên bản xác minh ngày 18/7/2025 (bút lục số 48), ông Nguyễn Huy Núi cung cấp thông tin về việc đã giao văn bản tố tụng của Toà án trực tiếp cho anh T nhưng anh T không ký biên bản giao nhận. Ngoài ra, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng cũng như nghĩa vụ tham gia tố tụng của anh T, Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi ở của anh T và địa phương nơi anh T cư trú, đồng thời đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng (Đài tiếng nói Việt Nam và Báo Công Lý) nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do.

* *Quan điểm của người làm chứng:*

Ông Nguyễn Văn Kh (bố đẻ chị Y) trình bày: Chị Y kết hôn với anh T vào năm 2020. Hôn nhân giữa chị Y và anh T là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Vĩ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Y chung sống tại gia đình nhà chồng ở xã An Vĩ, huyện Khoái Châu. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi bời, nợ nần. Đến ngày 01/7/2022, do bị đánh đuổi, chị Y đã mang con về gia đình

ông sinh sống. Kể từ khi chị Y về gia đình ông sinh sống, anh T duy nhất có một lần đến thăm gặp vợ, con, sau đó không đến và cũng không có biện pháp gì nhằm hàn gắn hạnh phúc. Nay chị Y xin ly hôn với anh T, mặc dù không mong muốn vợ chồng anh, chị ly hôn nhưng xét thấy anh, chị không còn tình cảm, hai bên sống ly thân đã lâu và không quan tâm gì đến nhau nữa nên đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho anh, chị ly hôn để hai bên ổn định cuộc sống, yên tâm làm ăn. Về con chung và các vấn đề khác, nội dung cũng giống như chị Y đã trình bày.

** Theo nội dung xác minh tại UBND xã An Vĩ (nay là xã Triệu Việt Vương) thể hiện:* Chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Nguyễn Hồng T đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã An Vĩ ngày 30/02/2020 (số 02). Việc chị Y và anh T xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm rõ. Hiện tại chị Y và anh T không chung sống cùng nhau tại xã An Vĩ. Vợ chồng anh T, chị Y có 02 người con chung là cháu Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 11/3/2021 và cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 06/02/2023. Về các vấn đề khác của vợ chồng chị Y thì chính quyền địa phương không nắm được. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Theo nội dung xác minh tại Công an xã An Vĩ thể hiện:* Theo cơ sở dữ liệu về dân cư quốc gia thì anh Nguyễn Hồng T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại đội 4, thôn Trung, xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, ngoài ra anh T không có nơi cư trú nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng anh T đều vắng mặt nên không hoà giải được và phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

***Tại phiên tòa hôm nay*:**

- Nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng đều vắng mặt. Chủ toạ phiên toà công bố toàn bộ nội dung lời khai của nguyên đơn, lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có liên quan.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

[1]. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự.

[2]. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Hải Y được ly hôn với anh Nguyễn Hồng T. Giao cả 02 con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng và công

sức: không đặt ra giải quyết. Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 10/4/2025, chị Nguyễn Thị Hải Y có đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình xin ly hôn với anh Nguyễn Hồng T và giải quyết về vấn đề con chung. Anh T có hộ khẩu thường trú tại xã An Vĩ, huyện Khoái Châu (nay là xã Triệu Việt Vương) tỉnh Hưng Yên nên Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu (nay là TAND khu vực 3 - Hưng Yên) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng đều vắng mặt *(nguyên đơn và người làm chứng có đơn xin vắng mặt tại phiên toà, anh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)*. Vì vậy, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được UBND xã An Vĩ (nay là xã Triệu Việt Vương) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/01/2020. Việc kết hôn đảm bảo đúng quy định của pháp luật nên đã xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hải Y, Hội đồng xét xử thấy: Lời khai của chị Nguyễn Thị Hải Y, ông Nguyễn Văn Kh cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, quá trình chung sống, vợ chồng chị Y chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn và kể từ tháng 7/2022 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau từ thời gian đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chị Y cho rằng anh T chơi bời, nợ nần nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Tuy nhiên, việc vợ chồng chị sống ly thân nhau từ tháng 7/2022 cho đến nay là thực tế và hai bên không có biện pháp gì nhằm hàn gắn hạnh phúc, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng. Đối với anh T, mặc dù đã biết được Toà án triệu tập đến tham gia giải quyết vụ án nhưng anh đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện sự buông xuôi, bỏ mặc cuộc hôn nhân mà không có biện pháp để hàn gắn Tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên đã cho thấy tình cảm yêu thương gắn bó vợ chồng giữa chị Y và anh T không còn, phản ánh đúng thực trạng hôn nhân của vợ chồng anh, chị là mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, có đầy đủ căn cứ cho ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận đơn khởi kiện của chị Y và giải quyết cho chị Y được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống là phù hợp với thực trạng và đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: vợ chồng chị Y có 02 người con chung là cháu Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 11/3/2021 và cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 06/02/2023, hiện tại cả hai cháu đang ở với chị Y. Nguyện vọng của chị Y mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

chung. Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị Y thì thấy: Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị Y là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung; chị Y có công việc và thu nhập ổn định, có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có mặt nên không thể hiện quan điểm về vấn đề con chung. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của cháu Nguyễn Minh Ch và cháu Nguyễn Minh Kh nên cần giao cả 02 con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Y về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản, đất ruộng và công sức: Chị Y tự nguyện không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về công nợ: Chị Y khẳng định vợ chồng không có công nợ chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Y phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án.

* Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: xử cho chị Nguyễn Thị Hải Y được ly hôn với anh Nguyễn Hồng T.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 11/3/2021 và cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 06/02/2023 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Y về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm gặp và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng; đất canh tác nông nghiệp và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Không đặt ra giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Hải Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0002525, ngày 18/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Hưng Yên. Chị Y đã thi hành xong phần án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *VKSND khu vực 3 - Hưng Yên;*
- *Phòng THADS tỉnh Hưng Yên*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Triệu Việt Vương;*
- *THADS khu vực 3 - Hưng Yên;*
- *Lưu: Hồ sơ, văn phòng T.A.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trung Kiên